

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Nước ta nằm ở

- A. khu vực phía tây Ấn Độ Dương.
- B. phía đông của Thái Bình Dương.
- C. rìa phía nam của vùng xích đạo.
- D. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 2: Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có

- A. mưa lớn vào đầu mùa hạ.
- B. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
- C. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- D. mưa nhiều vào thu đông.

Câu 3: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Làm ruộng bậc thang.
- B. Chống nhiễm mặn.
- C. Trồng cây theo băng.
- D. Đào hồ kiểu vậ cá.

Câu 4: Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do nguyên nhân

- A. Càng vào Nam thời tiết càng ổn định, gió mùa Đông Bắc suy giảm, Tây Nam mạnh.
- B. Càng vào Nam góc nhập xạ càng nhỏ, ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam tăng cường.
- C. Càng vào Nam vị trí càng gần xích đạo, ảnh hưởng gió Tín phong được tăng cường.
- D. Càng vào Nam góc nhập xạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

Câu 5: Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là

- A. tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dân ổn định.
- B. cơ cấu giới tính thay đổi, nguồn lao động tăng, tuổi thọ tăng.
- C. quy mô dân số tăng, nguồn lao động giảm đi, dân số trẻ hóa.
- D. chất lượng lao động cao, quy mô dân số giảm, thiếu lao động.

Câu 6: Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khôi phục nghề truyền thống.
- B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.
- C. phát triển kinh tế hộ gia đình.
- D. khai hoang mở rộng diện tích.

Câu 7: Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

- A. ôn đới.
- B. nhiệt đới.
- C. cận nhiệt.
- D. xích đạo.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng với khu công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- 2 A. Chỉ sản xuất hàng xuất khẩu.
- B. Ranh giới không xác định.
- C. Gắn với quá trình công nghiệp hóa.
- D. Chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hoạt động vận tải biển nước ta hiện nay?

- A. Chuyên chở nhiều hàng hóa xuất khẩu. B. Có các tuyến ven bờ hướng bắc - nam.
C. Có nhiều cảng hàng hóa năng lực tốt. D. Chỉ tập trung vận chuyển hành khách.

Câu 10: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cung cấp sản lượng điện lớn cho cả nước sử dụng.
B. phát triển việc nuôi trồng thủy sản, ngành du lịch.
C. điều hòa nước lũ trong mùa mưa ở hạ lưu con sông.
D. tạo động lực mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 11: Nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng có thể mạnh nổi bật là

- A. lực lượng lao động đông và trình độ cao. B. nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
C. cần cù và chịu khó, trình độ quản lí cao. D. lao động đông, có tác phong công nghiệp.

Câu 12: Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ là

- A. ứng dụng công nghệ cao, mở rộng thị trường.
B. hiện đại hóa chuồng trại, phát triển chế biến.
C. đảm bảo cơ sở thức ăn, dùng các giống mới.
D. sản xuất quy mô lớn, thúc đẩy việc xuất khẩu.

Câu 13: Biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. xây dựng hồ chứa nước, bảo vệ rừng đầu nguồn.
B. bảo vệ rừng đầu nguồn, phòng chống thiên tai.
C. xây dựng các hồ chứa nước, trồng cây chịu hạn.
D. đẩy mạnh thâm canh, phòng chống thiên tai.

Câu 14: Ý nghĩa lớn nhất của các hồ thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là

- A. cung cấp nước tưới cho các vườn cây công nghiệp trong mùa khô.
B. điều tiết nước cho các sông, cung cấp nước cho các ngành sản xuất.
C. tạo ra nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
D. thúc đẩy hoạt động du lịch sinh thái và cung cấp nước cho sinh hoạt.

Câu 15: Ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng Đông Nam Bộ là

- A. khai thác và chế biến dầu khí. B. sản xuất điện tử, máy vi tính.
C. sản xuất và chế biến thực phẩm. D. dệt và sản xuất trang phục.

Câu 16: Ý nghĩa chủ yếu của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng hiệu quả sử dụng đất, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội.
B. nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, giải quyết tốt vấn đề lương thực cả nước.
C. phân bố lại dân cư, xóa đói giảm nghèo và tạo thêm nguồn hàng cho xuất khẩu.
D. tăng sản lượng lương thực, thực phẩm, giải quyết việc làm và phát triển kinh tế.

Câu 17: Vùng kinh tế trọng điểm nào ở nước ta có nhiều tỉnh, thành phố nhất?

- A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18: Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để

- A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.
- B. khai thác khoáng sản và vận tải.
- C. được ưu tiên phát triển.
- D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

“Nhìn trên bản đồ sông ngòi, ta thấy ngay một mạng lưới dày đặc, cắt xẻ địa hình đồi núi trùng điệp và chảy ra Biển Đông. Tất cả có đến 2360 con sông dài từ 10 km trở lên nhưng sông dài trên 100 km chỉ hơn 2%. Hai nhân tố chính chi phối mạng lưới sông ngòi ở nước ta là lượng mưa và cấu trúc địa hình.”

(Theo: Vũ Tự Lập, Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2012, tr.159)

- a) Mật độ sông ngòi trên lãnh thổ nước ta rất thưa thớt.
- b) Chế độ mưa thất thường nhưng chế độ dòng chảy khá ổn định.
- c) Chế độ nước sông phân mùa lũ - cạn theo sát nhịp điệu mùa mưa - khô.
- d) Sông ngòi ở nước ta chủ yếu là sông ngòi nhỏ và ngắn, nguồn nước cung cấp chủ yếu là nước mưa và nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Đông Nam Bộ là vùng có diện tích trồng lúa thấp hơn Tây Nguyên.
- b) Sản lượng lúa phân theo vùng năm 2021 ở nước ta có sự khác nhau.
- c) Năm 2021, Đồng bằng sông Hồng là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.

d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể bảng số liệu trên.

Câu 3: Cho thông tin sau:

"Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2023 do Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/12 nhận định: "... hoạt động du lịch năm 2023 diễn ra sôi động". Tính chung cả năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch COVID-19."

(Nguồn: Báo Nhân dân, ngày 29/12/2023)

- a)** Ngành du lịch Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b)** Năm 2023, ngành du lịch Việt Nam tăng trưởng bằng 70% so với năm 2019.
- c)** Giai đoạn 2020 - 2021, du lịch phát triển chậm lại do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.
- d)** Hoạt động du lịch biển phát triển đều nhau ở tất cả các vùng trong cả nước.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 95,4 tỷ USD, tăng 6,8%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 275,9 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 74,3%.

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a)** Khu vực kinh tế trong nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
- b)** Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta năm 2022 giảm so với năm 2021.
- c)** Sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, chất lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
- d).** Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất do quá trình hội nhập và thu hút đầu tư.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2711 m đang có nhiệt độ là 16,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1 200 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho số liệu năm 2021 của nước ta về diện tích rừng là 148 nghìn km² và diện tích tự nhiên là 331 nghìn km². Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? (kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 3: Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010-2022

(Đơn vị : ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	72,2	162,0	336,1
Nhập khẩu	84,8	165,7	332,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2006, 2011, 2016 và 2022)

Cho biết tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa nước ta trong giai đoạn 2010 - 2021 thấp nhất vào năm nào?

Câu 6: Sản lượng điện nước ta tăng liên tục do nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng. Sản lượng điện từ 157 949 triệu kWh năm 2015 lên 258 790,9 triệu kWh năm 2022. Hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 (lấy năm 2015 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của phần trăm).

----- HẾT -----